

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 06/2020/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2020
của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Mẫu số 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

LÝ LỊCH KHOA HỌC

(Dành cho ứng viên/thành viên các Hội đồng Giáo sư)



1. Thông tin chung

- Họ và tên: Nguyễn Công Minh
- Năm sinh: 1980
- Giới tính: Nam
- Trình độ đào tạo (TS, TSKH) (năm, nơi cấp bằng): TS, 2010, Đại học Meiji (Nhật Bản)
- Chức danh Giáo sư hoặc Phó giáo sư (năm, nơi bổ nhiệm): PGS, 2015, Hội đồng Chức danh Giáo sư quốc gia.

- Ngành, chuyên ngành khoa học: Toán học, Đại số và lý thuyết số
- Chức vụ và đơn vị công tác hiện tại (hoặc đã nghỉ hưu từ năm): Khoa Toán-Tin, ĐHBKHN
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng Khoa Toán – Tin, trường ĐHSPHN
- Thành viên Hội đồng Giáo sư cơ sở (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, cơ sở đào tạo): Không
- Thành viên Hội đồng Giáo sư ngành (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Không
- Thành viên Hội đồng Giáo sư nhà nước (nếu có) (năm tham gia, tên hội đồng, nhiệm kỳ): Không

2. Thành tích hoạt động đào tạo và nghiên cứu (thuộc chuyên ngành đang hoạt động)

2.1. Sách chuyên khảo, giáo trình

- Tổng số sách đã chủ biên: 0 sách chuyên khảo; 0 giáo trình.
- Danh mục sách chuyên khảo, giáo trình trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (tên tác giả, tên sách, nhà xuất bản, năm xuất bản, mã số ISBN, chỉ số trích dẫn).

2.2. Các bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học

- Tổng số đã công bố: 02 bài báo tạp chí trong nước; 24 bài báo tạp chí quốc tế.

b) Danh mục bài báo khoa học công bố trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên tác giả, tên công trình, tên tạp chí, năm công bố, chỉ số IF và chỉ số trích dẫn - nếu có*):

- Trong nước: Không

- Quốc tế:

- 1) **N.C. Minh**, P.T. Thuy, A computation of the Castelnuovo-Mumford regularity of certain two-dimensional unmixed ideals, Communications in Algebra 48 (2020), 2028-2040.
- 2) **N.C. Minh**, L. B. Thang, T. N. Trung, The number of roots of a polynomial system}, Bulletin of the Australian Mathematical Society 103 (2021), 369–378.
- 3) **N.C. Minh**, V. Thanh, Survey on Regularity of Symbolic Powers of an Edge Ideal, Book chapter in dedication to Eisenbud's 75th birthday, 2022, 569-588.
- 4) **N.C. Minh**, L. D. Nam, T. D. Phong, P.T. Thuy, V. Thanh, Comparision between regularity of small powers of an edge ideal, Journal of Combinatorial Theory, Series A 190 (2022), 105621.
- 5) **N.C. Minh**, N. Q. Loc, P.T. Thuy, Extremal Betti numbers of symbolic powers of two-dimensional squarefree monomial ideals, International Journal of Algebra and Computation 32 (2022), No. 05, pp. 1043-1069.
- 6) **N.C. Minh**, V. Thanh, Integral closure of powers of edge ideals and their regularity, Journal of Algebra 609 (2022), 120-144.
- 7) **N.C. Minh**, V. Thanh, Regularity of powers of Stanley-Reisner ideals of one-dimensional simplicial complexes, Mathematische Nachrichten 296 (2023), no. 8, 3539–3558.
- 8) **N.C. Minh**, V. Thanh, A characterization of graphs whose small powers of their edge ideals have a linear free resolution, Combinatorica 44 (2024), 337–353.
- 9) **N.C. Minh**, T. N. Trung, V. Thanh, Stable values of depth of symbolic powers of edge ideals of graphs, Pacific Journal of Mathematics 329 (2024), no. 1, 147–164.
- 10) L. T. K. Diem, **N.C. Minh**, Thanh Vu, Sequentially Cohen-Macaulay property of the edge ideal of an edge-weighted graph, Journal of Algebraic Combinatorics, Volume 60, Issue 2 (2024), 589–597.
- 11) **N.C. Minh**, D. A. Tuan, Ngoc Huong Nguyen, Liouville type theorem for a system of elliptic inequalities on weighted graph without (p_0) -condition, Mathematic Slovaca, Vol. 74, No. 5 (2024), 1255-1266.
- 12) **N.C. Minh**, D. A. Tuan, D. T. Quyet, Liouville-type theorems for systems of elliptic inequalities involving p -Laplace operator on weighted graphs, Communications on Pure and Applied Analysis, Vol. 24, No. 4, (2025), pp. 641-660.

2.3. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (chương trình và đề tài tương đương cấp Bộ trở lên)

a) Tổng số chương trình, đề tài đã chủ trì/chủ nhiệm: 01 cấp Nhà nước (Nafosted); 01 cấp Bộ và tương đương.

b) Danh mục đề tài tham gia đã được nghiệm thu trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*tên đề tài, mã số, thời gian thực hiện, cấp quản lý đề tài, trách nhiệm tham gia trong đề tài*):

- **Đặc trưng một số tính chất đại số và tính toán các bất biến liên quan bằng lý thuyết tổ hợp**, B2022-SPH-02, 01/2022-12/2023, Đề tài cấp Bộ, Chủ nhiệm đề tài.

2.4. Công trình khoa học khác (nếu có)

a) Tổng số công trình khoa học khác:

- Tổng số có: 00 sáng chế, giải pháp hữu ích
- Tổng số có: 00 tác phẩm nghệ thuật
- Tổng số có: 00 thành tích huấn luyện, thi đấu

b) Danh mục bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu trong 5 năm trở lại đây (*tên tác giả, tên công trình, số hiệu văn bằng, tên cơ quan cấp*): Không

2.5. Hướng dẫn nghiên cứu sinh (NCS) đã có quyết định cấp bằng tiến sĩ

a) Tổng số: 01 NCS đã hướng dẫn chính.

b) Danh sách NCS hướng dẫn thành công trong 05 năm liền kề với thời điểm được bổ nhiệm thành viên Hội đồng gần đây nhất (*Họ và tên NCS, đề tài luận án, cơ sở đào tạo, năm bảo vệ thành công, vai trò hướng dẫn*):

- Phan Thị Thủy, CHỈ SỐ CHÍNH QUY CASTELNOUVO -MUMFORD VÀ TÍNH MỨC CỦA MỘT SỐ LỚP IDEAL ĐƠN THỨC, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2021, Người hướng dẫn khoa học.

3. Các thông tin khác

3.1. Danh mục các công trình khoa học chính trong cả quá trình (*Bài báo khoa học, sách chuyên khảo, giáo trình, sáng chế, giải pháp hữu ích, tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu...; khi liệt kê công trình, có thể thêm chú dẫn về phân loại tạp chí, thông tin trích dẫn...*):

3.2. Giải thưởng về nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước (nếu có):

Giải thưởng công trình toán học xuất sắc năm 2023 (Chương trình trọng điểm quốc gia phát triển toán học giai đoạn 2020 đến 2030) - Giải nhì.

3.3. Các thông tin về chỉ số định danh ORCID, hồ sơ Google scholar, H-index, số lượt trích dẫn (nếu có):

ORCID: 0000-0002-8060-3543

Google scholar:

<https://scholar.google.com.vn/citations?user=afJYKP0AAAAJ&hl=en>

H-index: 9

Citations: 315

3.4. Ngoại ngữ

- Ngoại ngữ thành thạo phục vụ công tác chuyên môn: Tiếng Anh.
- Mức độ giao tiếp bằng tiếng Anh: Tốt.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ tên)

A handwritten signature in blue ink, consisting of several fluid, overlapping strokes that form a stylized representation of the name Nguyễn Công Minh.

Nguyễn Công Minh